TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 36

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong số thập phân 178,908, chữ số 9 thuộc hàng nào?

A. hàng phần trăm **B.** hàng phần nghìn

C. hàng đơn vị **D.** hàng phần mười

Câu 2. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 221,441 đến hàng phần trăm ta được:

A. 221,45 **B.** 221,441 **C.** 221,44 **D.** 221,46

Câu 3. *(0,5 điểm)* Hỗn số 3 1/9 viết thành phân số là:

A. 28/9 **B.** 12/9 **C.** 28/27 **D.** 4/9

Câu 4. *(0,5 điểm)* Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 61,3 ……. 61,21

A. > **B.** < **C.** =

Câu 5. *(0,5 điểm)* Mẹ mua 4,3 kg táo, mỗi ki-lô-gam giá 42 000 đồng. Mẹ phải trả số tiền là:

A. 180 600 đồng **B.** 1 806 000 đồng

C. 201 600 đồng **D.** 168 000 đồng

Câu 6. *(0,5 điểm)* 4041 m = ……. km

A. 404,1 **B.** 4,041 **C.** 0,4041 **D.** 40,41

Câu 7. *(0,5 điểm)* 30 000 m² = ……. ha

A. 300 **B.** 3 **C.** 0,3 **D.** 30

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thang có đáy lớn 14 cm, đáy bé 5 cm, chiều cao 5 cm. Diện tích hình thang là:

A. 175 cm² **B.** 47,5 cm² **C.** 95 cm² **D.** 24 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 24,19 ……. 24,18

b) 8,9 ……. 8,90

c) 8 tấn 500 kg ……. 8,05 tấn

d) 4 ha ……. 40 000 m²

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 90 đơn vị, 1 phần mười, 6 phần trăm, 7 phần nghìn viết là: …….

b) Phân số 7/20 viết dưới dạng số thập phân: …….

c) Hỗn số 4 6/100 viết dưới dạng số thập phân: …….

Câu 11. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) $2,5 \times 6,62 \times 4 =$ ……

b) $5,62 \times 8,2 + 5,62 \times 1,8 =$ ……

c) $29,2 + 47,7 + 3,8 + 3,3 =$ ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m 3 cm = …… m

b) 5 kg 29 g = …… kg

c) 2 km^2 = …… ha

d) 3900 m^2 = …… ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 14 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 14 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 26 dm: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Một tổ may cắt 8 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 4,9 m vải. Giá mỗi mét vải là 80 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 36

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	A	A	A	B	B	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 24,19 > 24,18

b) 8,9 = 8,90

c) 8 tấn 500 kg > 8,05 tấn

d) 4 ha = 40 000 m²

Câu 10.

a) 90,167

b) 7/20 = 35/100 = 0,35

c) 4,06

Câu 11.

a) (2,5 × 4) × 6,62 = 10 × 6,62 = 66,2

b) 5,62 × (8,2 + 1,8) = 5,62 × 10 = 56,2

c) (29,2 + 3,8) + (47,7 + 3,3) = 33 + 51 = 84

Câu 12.

a) 2,03

b) 5,029

c) 200

d) 0,39

Câu 13.

a) 14 × 2 × 3,14 = 87,92

b) 14 × 14 × 3,14 = 615,44

c) 26 × 3,14 = 81,64

Câu 14.

Số vải: 4,9 × 8 = 39,2 (m)

Số tiền: 80 000 × 39,2 = 3 136 000 (đồng)